UBND TỈNH AN GIANG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC AN GIANG

Số: 1109 /QĐ-ĐHAG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

An Giang, ngày 19 tháng 6 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
Về việc cấp học bổng khuyến khích học tập Học kỳ II, năm học 2018-2019

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC AN GIANG

Căn cứ Căn cứ Quyết định số 1250/QĐ-ĐHAG, ngày 09/6/2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học An Giang về việc ban hành "Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học An Giang;

Căn cứ Quyết định số 1459A/QĐ-ĐHAG ngày 29/8/2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học An Giang về quy định xét, cấp học bổng khuyến khích học tập trong đào tạo đại học, cao đẳng hình thức giáo dục chính quy từ năm học 2016-2017 đến năm học 2020-2021, ban hành kèm theo;

Căn cứ Biên bản số 795B/BB-ĐHAG ngày 13/6/2019 về việc họp Hội đồng xét, cấp học bổng khuyến khích học tập học kỳ II, năm học 2018-2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp học bổng khuyến khích học tập học kỳ II năm học 2018-2019 cho 169 sinh viên năm cuối thuộc các Khoa: Kinh tế - Quản trị Kinh doanh, Nông nghiệp - Tài nguyên Thiên nhiên, Ngoại ngữ, Kỹ thuật - Công nghệ - Môi trường, Công nghệ thông tin, Luật & Khoa học Chính trị, Du lịch & Văn hóa - Nghệ thuật, Sư phạm *(danh sách kèm theo).*

Điều 2. Mức học bổng theo Mục 3, Điều 2 của Quyết định số 1459A/QĐ-ĐHAG ngày 29/8/2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học An Giang.

Điều 3. Các Ông (Bà) Trưởng phòng Đào tạo, Khảo thí – Đảm bảo chất lượng, Công tác Sinh viên, Kế hoạch – Tài vụ, các đơn vị liên quan và các sinh viên có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 3;
- Lưu: VT, CTSV.

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC AN GIANG

PGS.TS Võ Văn Thắng

UBND TỈNH AN GIANG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN NHẬN HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH HỌC TẬP
HỌC KỲ II, NĂM HỌC 2018-2019

(Ban hành kèm theo quyết định số 1109 /QĐ-ĐHAG ngày 21 /6/2019)

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	ĐHT	ĐRL	TCTL	XL	1 Tháng	5 Tháng	Ghi Chú
HỆ ĐẠI HỌC KHOA KINH TẾ - QTKD											
1	DKQ151518	Đặng Hữu Lượng	01/03/1997	DH16KQ	4.00	99.50	15	XS	950,000	4,750,000	
2	DKQ151536	Dương Nguyễn Cẩm Thanh	26/02/1997	DH16KQ	4.00	92.25	15	XS	950,000	4,750,000	
3	DKQ151508	Nguyễn Thị Thích Hậu	14/10/1997	DH16KQ	4.00	92.00	15	XS	950,000	4,750,000	
4	DKQ151501	Trần Nhật An	19/08/1998	DH16KQ	4.00	90.00	15	XS	950,000	4,750,000	
5	DKQ151519	Nguyễn Gia Lý	05/07/1997	DH16KQ	3.67	90.00	15	XS	950,000	4,750,000	
6	DKQ151525	Huỳnh Thoại Hạnh Nhi	22/09/1997	DH16KQ	3.60	90.25	15	XS	950,000	4,750,000	
7	DKT151633	Đặng Thị Như Quỳnh	29/03/1997	DH16KT	4.00	95.50	15	XS	950,000	4,750,000	
8	DKT151665	Trần Thị Tường Vi	24/11/1997	DH16KT	4.00	95.50	15	XS	950,000	4,750,000	
9	DKT151608	Trương Bằng Trúc Ly	18/07/1997	DH16KT	4.00	95.00	15	XS	950,000	4,750,000	
10	DKT151634	Nguyễn Thị Ngọc Tài	01/07/1997	DH16KT	4.00	93.50	15	XS	950,000	4,750,000	
11	DKT151614	Lê Huỳnh Bảo Ngọc	01/03/1997	DH16KT	4.00	92.75	15	XS	950,000	4,750,000	
12	DKT152004	Nguyễn Thị Mỹ Huyền	15/04/1997	DH16KT	4.00	92.00	15	XS	950,000	4,750,000	
13	DKT152008	Lê Thị Yến Nhi	15/03/1997	DH16KT	4.00	92.00	15	XS	950,000	4,750,000	
14	DKT151648	Phạm Thị Cẩm Tiên	21/08/1997	DH16KT	4.00	91.50	15	XS	950,000	4,750,000	
15	DKT151664	Trịnh Thị Thủy Vân	04/06/1997	DH16KT	4.00	90.00	15	XS	950,000	4,750,000	
16	DKT151630	Lê Minh Phương	13/10/1997	DH16KT	3.87	91.00	15	XS	950,000	4,750,000	
17	DNH151677	Hồ Thị Mỹ Duyên	16/02/1997	DH16NH	4.00	93.00	15	XS	950,000	4,750,000	
18	DNH151755	Huỳnh Thị Kim Thùy	19/09/1997	DH16NH	4.00	93.00	15	XS	950,000	4,750,000	
19	DNH151715	Nguyễn Thị Mỹ Ngọc	24/04/1996	DH16NH	3.67	91.00	15	XS	950,000	4,750,000	

20	DNH151681	Dương Thị Cẩm Giang	17/04/1997	DH16NH	4.00	88.00	15	G	880,000	4,400,000	
21	DNH151706	Ngô Thị Phương Mỹ	02/01/1997	DH16NH	4.00	86.25	15	G	880,000	4,400,000	
22	DNH151721	Phạm Thị Yến Nhi	29/06/1997	DH16NH	4.00	86.00	15	G	880,000	4,400,000	
23	DNH151672	Nguyễn Dương Ngọc Mai Chi	12/09/1997	DH16NH	4.00	86.25	15	G	880,000	4,400,000	
24	DNH151671	Huỳnh Thị Kim Chi	18/01/1997	DH16NH	4.00	83.00	15	G	880,000	4,400,000	
25	DQT151855	Huỳnh Võ Như Quyên	15/10/1997	DH16QT	4.00	81.50	15	G	880,000	4,400,000	
26	DQT152020	Nguyễn Hoàng Anh	26/06/1997	DH16QT	4.00	81.50	15	G	880,000	4,400,000	
27	DQT152019	Đặng Thị Kim Anh	02/01/1997	DH16QT	4.00	81.00	15	G	880,000	4,400,000	
28	DQT151837	Lê Trọng Nguyễn	25/06/1997	DH16QT	4.00	80.00	15	G	880,000	4,400,000	
29	DQT151874	Lê Thị Ngọc Trang	20/02/1997	DH16QT	4.00	80.00	15	G	880,000	4,400,000	
30	DQT151793	Hứa Trân Ngọc Đào	01/10/1997	DH16QT	3.87	81.25	15	G	880,000	4,400,000	
31	DQT152028	Trình Thị Thu Hương	09/04/1997	DH16QT	3.87	80.00	15	G	880,000	4,400,000	
32	DQT151863	Lý Thu Thảo	24/11/1997	DH16QT	3.80	81.75	15	G	880,000	4,400,000	
33	DQT151843	Phạm Thị Yến Nhi	13/10/1997	DH16QT	3.80	80.00	15	G	880,000	4,400,000	
34	DQT151782	Bùi Thị Ánh	26/05/1997	DH16QT	3.73	80.00	15	G	880,000	4,400,000	
35	DTC151997	Thiều Thị Như Ý	27/04/1997	DH16TC	4.00	90.50	15	XS	950,000	4,750,000	
36	DTC151948	Phan Thị Ngọc Như	13/06/1997	DH16TC	4.00	84.50	15	G	880,000	4,400,000	
37	DTC151924	Trương Thị Thúy Liễu	13/06/1997	DH16TC	4.00	81.00	15	G	880,000	4,400,000	
38	DTC151889	Bùi Nguyễn Kim Chi	14/11/1996	DH16TC	3.33	80.50	15	G	880,000	4,400,000	
39	DTC151994	Phạm Hoa Vinh	21/01/1997	DH16TC	3.33	80.50	15	G	880,000	4,400,000	
40	DTC151902	Võ Thị Thùy Dương	15/10/1997	DH16TC	4.00	77.50	15	K	810,000	4,050,000	
41	DTC151929	Nguyễn Đinh Ngọc Mai	01/08/1997	DH16TC	4.00	78.00	15	K	810,000	4,050,000	
42	DTC151894	Nguyễn Thái Duy	06/06/1997	DH16TC	4.00	74.50	15	K	810,000	4,050,000	
									Thực chi:	**190,750,000**	
HỆ CAO ĐẲNG KHOA KINH TẾ - QTKD											
1	CKT161555	Phạm Thị Bích Ty	25/09/1998	CD41KT	3.80	90.00	15	XS	950,000	4,750,000	
									Thực chi:	**4,750,000**	
HỆ ĐẠI HỌC KHOA NÔNG NGHIỆP - TNTN											
1	DSH153127	Nguyễn Văn Thức	23/03/1997	DH16SH	4.00	97	13	XS	950,000	4,750,000	

2	DSH153058	Đinh Thị Ngọc Hân	10/11/1997	DH16SH	4.00	96.75	13	XS	950,000	4,750,000	
3	DSH153130	Ngô Lê Thành Toàn	13/03/1997	DH16SH	4.00	93.5	13	XS	950,000	4,750,000	
4	DSH153055	Ngô Hồng Đinh	04/02/1996	DH16SH	4.00	93	13	XS	950,000	4,750,000	
5	DSH153079	Dương Thành Lễ	14/04/1997	DH16SH	4.00	92	13	XS	950,000	4,750,000	
6	DSH153091	Võ Thị Tuyết Ngân	30/10/1997	DH16SH	4.00	91.5	13	XS	950,000	4,750,000	
7	DSH153062	Nguyễn Bạch Mưa Hồng	28/07/1997	DH16SH	4.00	90	13	XS	950,000	4,750,000	
8	DSH153088	Lê Thị Diễm My	13/11/1997	DH16SH	3.85	92.25	13	XS	950,000	4,750,000	
9	DSH153106	Nguyễn Thanh Phong	10/10/1997	DH16SH	4.00	87.75	13	G	880,000	4,400,000	
10	DTT153389	Lê Thị Diễm Phúc	19/05/1997	DH16TT	3.85	87	13	G	880,000	4,400,000	
11	DTT153417	Nguyễn Ngọc Trân	03/06/1997	DH16TT	3.83	87.00	12	G	880,000	4,400,000	
12	DTT153412	Nguyễn Thị Minh Thư	12/11/1997	DH16TT	3.83	83.50	12	G	880,000	4,400,000	
13	DTT153338	Nguyễn Thanh Điền	08/10/1997	DH16TT	3.69	84.00	13	G	880,000	4,400,000	
14	DTT153341	Huỳnh Tấn Được	30/01/1997	DH16TT	3.33	80.00	12	G	880,000	4,400,000	
15	DTT153362	Võ Đức Khải	15/7/1997	DH16TT	3.67	73.30	12	K	810,000	4,050,000	
16	DTT153388	Cao Minh Phúc	09/03/1997	DH16TT	3.50	75.40	12	K	810,000	4,050,000	
17	DTT153333	Dương Huyền Duy	05/08/1997	DH16TT	3.40	73.30	15	K	810,000	4,050,000	
18	DTT153372	Ngô Thành Luân	16/08/1997	DH16TT	3.33	74.20	12	K	810,000	4,050,000	
19	DBT152809	Võ Minh Tài	29/4/1997	DH16BT2	4.00	83.50	12	G	880,000	4,400,000	
20	DTS153311	Phạm Minh Thông	08/07/1997	DH16TS	4.00	91.25	12	XS	950,000	4,750,000	
21	DTS153279	Lê Công Hậu	30/06/1997	DH16TS	3.83	95.00	12	XS	950,000	4,750,000	
22	DTS153261	Dương Thị Thúy An	15/10/1997	DH16TS	3.83	90.50	12	XS	950,000	4,750,000	
23	DTS153266	Trần Chí Bảo	06/07/1997	DH16TS	4.00	87.00	12	G	880,000	4,400,000	
24	DTS153284	Huỳnh Thị Diễm Khanh	24/07/1997	DH16TS	3.83	88.00	12	G	880,000	4,400,000	
									Tổng cộng:	**108,050,000**	
HỆ CAO ĐẲNG KHOA NÔNG NGHIỆP - TNTN											
1	CSH163154	Nguyễn Thị Kim Oanh	21/1/1998	CD41SH	3.50	79.00	12	K	810,000	4,050,000	
2	CTS163901	Nguyễn Hoàng Thuý Vi	14/05/1998	CD41TS	3.69	90.00	13	XS	950,000	4,750,000	
									Thực chi:	**8,800,000**	
HỆ ĐẠI HỌC KHOA KỸ THUẬT - CÔNG NGHỆ - MÔI TRƯỜNG											

1	DMT154108	Nguyễn Kiều Vĩ	30/10/1997	DH16MT	4.00	94.00	15	XS	950,000	4,750,000	
2	DMT154071	Trần Lê Bảo Hân	24/12/1997	DH16MT	4.00	94.00	16	XS	950,000	4,750,000	
3	DMT154063	Nguyễn Thị Thuý An	25/04/1997	DH16MT	4.00	90.00	16	XS	950,000	4,750,000	
4	DQM154322	Tạ Thị Ánh Tuyết	27/06/1997	DH16QM	4.00	100.00	15	XS	950,000	4,750,000	
5	DQM154265	Hà Hồng Lĩnh	20/09/1997	DH16QM	4.00	95.50	15	XS	950,000	4,750,000	
6	DQM154237	Nguyễn Thị Xuân Đào	06/03/1997	DH16QM	4.00	95.75	15	XS	950,000	4,750,000	
7	DQM154290	Lê Văn Nước	25/05/1997	DH16QM	4.00	91.50	15	XS	950,000	4,750,000	
8	DQM154243	Nguyễn Thị Hạnh	16/02/1997	DH16QM	4.00	91.00	15	XS	950,000	4,750,000	
9	DQM154320	Nguyễn Thị Thanh Trúc	17/02/1997	DH16QM	4.00	91.25	15	XS	950,000	4,750,000	
									Thực chi:	**42,750,000**	
HỆ ĐẠI HỌC KHOA NGOẠI NGỮ											
1	DAV150468	Nguyễn Huỳnh Diễm	Ngọc	DH16AV	4.00	100.00	15	XS	950,000	4,750,000	
2	DAV150455	Trần Thị Mỹ	Hiền	DH16AV	4.00	97.00	15	XS	950,000	4,750,000	
3	DAV150457	Lê Thị Mai	Hương	DH16AV	4.00	96.00	15	XS	950,000	4,750,000	
4	DTA151087	Lý Minh	Khoa	DH16TA	4.00	93.00	14	XS	950,000	4,750,000	
5	DTA151091	Huỳnh Thị Như	Ngân	DH16TA	3.88	92.50	16	XS	950,000	4,750,000	
6	DTA151076	Thái Thị Mỹ	Châu	DH16TA	3.60	85.75	15	G	880,000	4,400,000	
									Thực chi:	**28,150,000**	
HỆ CAO ĐẲNG KHOA NGOẠI NGỮ.											
1	CAV167001	Moha Med	Arifin	CD41AV	3.67	90.75	12	XS	950,000	4,750,000	
2	CAV167003	Võ Thị	Diệu	CD41AV	3.07	73.50	15	K	810,000	4,050,000	
3	CAV167030	Trần Lương Mai	Thảo	CD41AV	2.86	69.00	12	K	810,000	4,050,000	
									Thực chi:	**12,850,000**	
HỆ ĐẠI HỌC KHOA KHOA DU LỊCH VÀ VH-NT											
1	DVN153896	Nguyễn Thanh Lâm	28/5/1997	DH16VN	3.75	86.75	16	G	880,000	4,400,000	
2	DVN153922	Trần Văn Thuận	11/12/1996	DH16VN	3.20	81.25	16	G	880,000	4,400,000	
3	DVN153881	Lê Trung Chí Bảo	09/09/1997	DH16VN	3.10	77.75	20	K	810,000	4,050,000	
4	DVN153902	Nguyễn Tống Hồng Ngọc	04/10/1997	DH16VN	2.69	77.25	16	K	810,000	4,050,000	
5	DVN153908	Nguyễn Thúy Oanh	10/02/1997	DH16VN	3.13	82.75	16	K	810,000	4,050,000	

									Thực chi:	**20,950,000**	
HỆ CAO ĐẲNG KHOA DU LỊCH VÀ VH-NT											
1	CAN167515	Lê Trần Thảo Thanh	27/06/1998	CD41AN	3.44	80.00	16	G	880,000	4,400,000	
2	CAN167660	Lê Văn Lộc	05/09/1998	CD41AN	3.38	88.00	16	G	880,000	4,400,000	
3	CAN167501	Nguyễn Phan Anh	02/02/1995	CD41AN	3.56	65.00	16	K	810,000	4,050,000	
4	CAN167522	Nguyễn Thị Như Ý	08/03/1998	CD41AN	3.44	72.50	16	K	810,000	4,050,000	
5	CAN167521	Lê Hữu Tuấn	09/04/1998	CD41AN	3.29	73.50	21	K	810,000	4,050,000	
6	CAN167511	Lê Tín Nhiệm	11/04/1997	CD41AN	3.25	76.00	16	K	810,000	4,050,000	
7	CAN167521	Đoàn Lan Vi	12/01/1998	CD41AN	3.31	73.50	16	K	810,000	4,050,000	
									Thực chi:	**29,050,000**	
HỆ ĐẠI HỌC KHOA LUẬT & KHOA HỌC CHÍNH TRỊ											
1	DCT153741	Đào Thị Ngọc Giàu	18/10/1997	DH16CT	4.00	81.25	15	G	880,000	4,400,000	
2	DCT153742	Phùng Thị Mỹ Huyền	20/03/1996	DH16CT	4.00	80.25	15	G	880,000	4,400,000	
3	DCT153734	Nguyễn Thị Kim Tiến	17/10/1996	DH16CT	3.67	86.25	15	G	880,000	4,400,000	
4	DCT153743	Đỗ Thị Thúy Huỳnh	26/02/1997	DH16CT	3.60	85.25	15	G	880,000	4,400,000	
5	DCT153732	Nguyễn Thị Kim Thâu	19/11/1996	DH16CT	3.27	98.00	15	G	880,000	4,400,000	
6	DCT153746	Huỳnh Thị Huyền Trang	12/01/1997	DH16CT	4.00	77.00	15	K	810,000	4,050,000	
7	DCT153727	Trần Lệ Quyên	06/04/1997	DH16CT	4.00	73.00	15	K	810,000	4,050,000	
8	DCT153714	Lê Thị Kiều	03/08/1996	DH16CT	4.00	71.50	15	K	810,000	4,050,000	
									Thực chi:	**34,150,000**	
HỆ ĐẠI HỌC KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN											
1	DPM154115	Lê Văn Bằng	19/05/1994	DH16PM	4.00	83.50	15	G	880,000	4,400,000	
2	DPM154170	Phạm Trần Minh Nhã	27/05/1997	DH16PM	4.00	82.50	15	G	880,000	4,400,000	
3	DPM154166	Đoàn Hữu Ngoan	11/06/1997	DH16PM	4.00	81.75	15	G	880,000	4,400,000	
4	DPM154185	Trần Phú Sĩ	10/02/1997	DH16PM	4.00	80.00	15	G	880,000	4,400,000	
5	DPM154201	Lý Thị Phương Trang	17/02/1997	DH16PM	3.47	80.00	15	G	880,000	4,400,000	
6	DPM154168	Trần Thị Bích Ngọc	20/07/1997	DH16PM	3.40	80.00	15	G	880,000	4,400,000	
7	DPM154134	Nguyễn Thành Hiệp	28/08/1997	DH16PM	4.00	71.50	15	K	810,000	4,050,000	
8	DPM154136	Võ Chí Hiếu	20/02/1997	DH16PM	3.67	71.50	15	K	810,000	4,050,000	

9	DTH154373	Nguyễn Duy Khánh	15/10/1997	DH16TH	4.00	97.00	15	XS	950,000	4,750,000	
10	DTH154355	Chau Giàu	14/02/1997	DH16TH	4.00	95.00	15	XS	950,000	4,750,000	
11	DTH154413	Lê Văn Quí	27/05/1997	DH16TH	4.00	92.00	15	XS	950,000	4,750,000	
12	DTH159999	Lê Nhựt Hào	21/11/1997	DH16TH	3.67	97.00	15	XS	950,000	4,750,000	
13	DTH154357	Nguyễn Thị Ngọc Hân	26/03/1996	DH16TH	3.67	90.00	15	XS	950,000	4,750,000	
14	DTH154401	Trương Thị Mỹ Nhung	04/09/1996	DH16TH	3.67	90.00	15	XS	950,000	4,750,000	
15	DTH154339	Trần Anh Chương	20/12/1997	DH16TH	4.00	85.00	15	G	880,000	4,400,000	
16	DTH154386	Võ Thanh Nam	08/08/1997	DH16TH	4.00	83.00	15	G	880,000	4,400,000	
									Thực chi:	**71,800,000**	
HỆ CAO ĐẲNG KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN											
1	CTH166076	Lê Bảo Thành	29/08/1998	CD41TH	3.73	83.00	15	G	880,000	4,400,000	
2	CTH166054	Đặng Thành Phát	23/03/1997	CD41TH	3.60	85.25	15	G	880,000	4,400,000	
3	CTH166053	Phan Thị Ngọc Oanh	12/09/1998	CD41TH	3.73	78.00	15	K	810,000	4,050,000	
4	CTH166048	Nguyễn Thị Kim Ngọc	03/02/1998	CD41TH	3.60	70.25	15	K	810,000	4,050,000	
5	CTH166026	Trương Thị Mỹ Huyền	13/02/1998	CD41TH	3.47	72.25	15	K	810,000	4,050,000	
6	CTH166013	Nguyễn Thị Ngọc Giàu	08/01/1997	CD41TH	3.60	67.50	15	K	810,000	4,050,000	
									Thực chi:	**25,000,000**	
HỆ ĐẠI HỌC KHOA SƯ PHẠM											
1	DNV150970	Danh Minh Phụng	14/2/1994	DH16NV	4.00	100.00	15	XS	950,000	4,750,000	
2	DNV150961	Phạm Nguyễn Thúy Ly	24/6/1997	DH16NV	4.00	100.00	15	XS	950,000	4,750,000	
3	DNV150957	Kiều Quang Hoài	06/12/1997	DH16NV	4.00	98.00	15	XS	950,000	4,750,000	
4	DSU151066	Thái Thị Bảo Trân	18/4/1997	DH16SU	4.00	97.50	15	XS	950,000	4,750,000	
5	DSU151071	Lê Hoàng Vẹn	20/4/1997	DH16SU	4.00	88.00	15	G	880,000	4,400,000	
6	DSU151063	Văn Thị Cẩm Tiên	04/08/1997	DH16SU	4.00	86.00	15	G	880,000	4,400,000	
7	DDL150526	Lê Nhật Trường	24/6/1997	DH16DL	4.00	91.00	15	XS	950,000	4,750,000	
8	DDL150529	Vương Hà Bảo Vi	15/1/1997	DH16DL	4.00	91.00	15	XS	950,000	4,750,000	
9	DDL150496	Nguyễn Văn Hoài	19/8/1997	DH16DL	4.00	88.00	15	G	880,000	4,400,000	
10	DTO151147	Nguyễn Phước Tín	1/8/1996	DH16TO	4.00	100.00	15	XS	950,000	4,750,000	
11	DTO151124	Huỳnh Thị Thanh Hương	25/4/1997	DH16TO	4.00	98.25	15	XS	950,000	4,750,000	

12	DTO151153	Trần Thị Lệ Xuân	1/3/1997	DH16TO	3.67	81.50	15	G	880,000	4,400,000	
13	DLY150696	Nguyễn Phước Tỷ Lộc	19/2/1997	DH16LY	4.00	90.00	15	XS	950,000	4,750,000	
14	DLY150697	Trương Thị Mỹ Ly	29/12/1997	DH16LY	4.00	89.00	15	G	880,000	4,400,000	
15	DLY150685	Trương Thị Thúy Diệu	17/7/1997	DH16LY	4.00	83.50	15	G	880,000	4,400,000	
16	DHH150649	Ngô Thị Linh	16/8/1992	DH16HH	4.00	86.75	15	G	880,000	4,400,000	
17	DHH150648	Đỗ Thị Thanh Hương	23/8/1997	DH16HH	4.00	81.75	15	G	880,000	4,400,000	
18	DHH150660	Lưu Thị Hồng Thắm	27/11/1997	DH16HH	4.00	80.00	15	G	880,000	4,400,000	
19	DSI150996	Nguyễn Đặng Gia Hân	23/8/1997	DH16SI	4.00	92.00	15	XS	950,000	4,750,000	
20	DSI151008	Ngô Thị Huỳnh Như	26/3/1997	DH16SI	4.00	90.00	15	XS	950,000	4,750,000	
21	DSI150995	Nguyễn Thị Mỹ Hằng	13/2/1997	DH16SI	3.87	80.00	15	G	880,000	4,400,000	
22	DGT150531	Ngô Thị Thúy An	07/07/1997	DH16GT	4.00	93.00	15	XS	950,000	4,750,000	
23	DGT150582	Nguyễn Văn Nhàn	19/9/1996	DH16GT	4.00	91.50	15	XS	950,000	4,750,000	
24	DGT150600	Lý Minh Tân	04/09/1997	DH16GT	4.00	89.75	15	G	880,000	4,400,000	
25	DGT150548	Nguyễn Thị Hoa Đăng	14/6/1997	DH16GT	4.00	87.50	15	G	880,000	4,400,000	
26	DGT150540	Trần Thị Chính	18/7/1997	DH16GT	4.00	86.25	15	G	880,000	4,400,000	
27	DGT150631	Trịnh Đỗ Thúy Vy	20/1/1997	DH16GT	4.00	85.00	15	G	880,000	4,400,000	
28	DGT150594	Cao Phú Quốc	26/7/1997	DH16GT	4.00	82.75	15	G	880,000	4,400,000	
									Thực chi:	**127,750,000**	
HỆ CAO ĐẲNG KHOA SƯ PHẠM											
1	CST160185	Lê Thị Phượng Vĩ	20/5/1998	CD41ST	4.00	91.50	15	XS	950,000	4,750,000	
2	CTD160186	Nguyễn Phước An	7/4/1998	CD41TD	3.73	83.50	15	G	880,000	4,400,000	
3	CGT160724	Trần Thị Ngọc Quyên	17/1/1998	CD41GT1	3.85	93.00	13	XS	950,000	4,750,000	
4	CGT160017	Lê Thị Thúy Kiều	02/05/1998	CD41GT1	3.69	94.50	13	XS	950,000	4,750,000	
5	CGT160001	Lê Thị Kim An	29/1/1997	CD41GT1	3.69	92.25	13	XS	950,000	4,750,000	
6	CGT150167	Huỳnh Thị Thúy Phượng	26/07/1997	CD41GT1	3.69	91.50	13	XS	950,000	4,750,000	
7	CGT160086	Đỗ Thị Thùy Linh	24/3/1997	CD41GT2	3.69	90.00	13	XS	950,000	4,750,000	
8	CGT160071	Đoàn Hồng Diễm	14/10/1998	CD41GT2	3.85	86.50	13	G	880,000	4,400,000	
9	CGT160125	Lê Thị Bảo Trinh	13/2/1997	CD41GT2	3.85	83.50	13	G	880,000	4,400,000	
10	CGT160090	Lê Thị Mai Loan	27/9/1998	CD41GT2	3.85	81.25	13	G	880,000	4,400,000	

11	CMN160741	Nguyễn Thị Anh Thư	04/12/1998	CD41MN	3.87	96.00	15	XS	950,000	4,750,000	
12	CMN160152	Trần Phương Thảo	17/10/1998	CD41MN	3.87	81.50	15	G	880,000	4,400,000	
									Thực chi:	**55,250,000**	

TỔNG CỘNG: Có 169 SV nhận học bổng HK II, năm học 2018 - 2019.

KHÁ:	27	Tổng chi loại khá:	109,350,000
GIỎI:	68	Tổng chi loại giỏi:	299,200,000
XUẤT SẮC:	74	Tổng chi loại XS:	351,500,000
TỔNG:	**169**	**Tổng chi:**	**760,050,000**
		Tổng quỹ HB của toàn Trường/học kỳ:	**2,914,400,000**
		Còn lại:	**2,154,350,000**

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC AN GIANG

PGS,TS Võ Văn Thắng